

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2025.
Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng;
Ông Nguyễn Thành Thái.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Thuộc trường hợp Viện Kiểm sát không tham gia.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 475/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về: Tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Danh S**, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thỏ Sơn, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị **Trương Thị T**, sinh năm 1998. Địa chỉ: ấp Bến Đá, xã Thỏ Sơn, huyện H, tỉnh K (Vắng mặt – Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Danh S trình bày như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Danh S và chị Trương Thị T kết hôn với nhau vào năm 2015. Anh chị có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/12/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó giữa vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân với nhau hơn 7 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên anh Danh S yêu cầu được ly hôn chị Trương Thị T.

- *Về quan hệ con chung*: Anh Sỹ và chị Thuận có 1 người con chung tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 18/11/2015, hiện con chung do chị Thuận trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn anh Sỹ đồng ý giao cháu Như Ý cho chị Thuận tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành để con ổn định cuộc sống. Anh Sỹ không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng sẽ lo cho con theo khả năng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh Sỹ xác định quá trình chung sống với nhau, anh và chị Thuận không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Theo bản tự khai đề ngày 13/02/2025 bị đơn chị Trương Thị T trình bày như sau*: Sau thời gian tự tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị và anh Sỹ quyết định chung sống với nhau, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 21/11/2016. Thời gian đầu với chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó được khoảng 2 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, bất hòa, hiện tại anh Sỹ đã có vợ và con khác nên anh chị đã sống ly thân với nhau hơn 7 năm nay. Nay anh Danh S yêu cầu được ly hôn với chị thì chị đồng ý vì không còn tình cảm nữa.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau chị Thuận và anh Sỹ có 01 con chung tên Danh Thị Như Ý, sinh ngày 18/11/2015. Hiện con do chị Thuận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Sỹ đồng ý giao con cho chị nuôi dưỡng thì chị cũng đồng ý và không yêu cầu anh Sỹ phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị và anh Sỹ không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Danh S yêu cầu được ly hôn với chị Trương Thị T. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn chị Trương Thị T có nơi cư trú tại ấp Bến Đá, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn

Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn anh Danh S và bị đơn chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Anh Danh S và chị Trương Thị T cưới nhau vào năm 2015 và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 149 ngày 21/11/2016. Như vậy, hôn nhân giữa anh Danh S và chị Trương Thị T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của anh Sỹ về việc xin ly hôn với chị Thuận thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa anh Sỹ và chị Thuận có phát sinh mâu thuẫn, theo anh chị trình bày thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, mặc dù anh chị đã hàn gắn, nhưng không thành nên anh chị đã sống ly thân với nhau hơn 7 năm nay. Anh Sỹ và chị Thuận cũng xác định trong thời gian sống ly thân với nhau, thì anh chị không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên anh Sỹ đoàn tụ gia đình, nhưng anh Sỹ vẫn kiên quyết ly hôn với chị Thuận. Đồng thời tại bản tự khai chị Thuận cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Sỹ. Như vậy căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Danh S và chị Trương Thị T.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống anh Sỹ và chị Thuận xác định anh chị có 01 người con chung tên Danh Thị Như ý, sinh ngày 18/11/2015. Anh Sỹ và chị Thuận thống nhất giao cháu Như Ý cho chị Thuận tiếp tục nuôi dưỡng nên HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của giữa anh chị. Giao cháu Danh Thị Như ý, sinh ngày 18/11/2015 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trương Thị T đủ điều kiện để nuôi con nên không yêu cầu anh Danh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Anh Sỹ và chị Thuận xác định giữa anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh Danh S phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Danh S và chị Trương Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh Danh S và chị Trương Thị T. Giao cháu Danh Thị Như ý, sinh ngày 18/11/2015 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Trương Thị T nuôi con; anh Danh S được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Danh S và chị Trương Thị T xác định anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc anh Danh S phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009649 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, anh Danh S không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An